TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 132/2023/QĐST-HNGĐ	*TP Thanh Hóa, ngày 12 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA -TỈNH THANH HÓA

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Cát Tưởng

2. Bà Hoàng Thị Hạnh

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 33; Khoản 1 Điều 37; Điều 43; Điều 55; Điều 57; Điều 59; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a,b khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.
- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 125/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung, chia nợ chung".

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1980**

HKTT: Phố Tân L, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh Đ, sinh năm 1979

HKTT: Phố T, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Mạnh Đ thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Công nhận chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Mạnh Đ có 04 con chung là cháu Nguyễn Anh Th, sinh ngày 06/5/2006; cháu Nguyễn Đình Nguyên V, sinh ngày 21/11/2009; cháu Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 01/11/2016 và cháu Nguyễn Thúy A, sinh 01/10/2018. Giao cháu Nguyễn Anh Th, cháu Nguyễn Đình Nguyên V và cháu Nguyễn Thúy A cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Minh Ph cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị B và anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Mạnh Đ thống nhất:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 652 (2), tờ bản đồ số 01; Địa chỉ: thôn T, xã Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông Nguyễn Mạnh Đ được UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 09/10/2013 là tài sản riêng của anh Nguyễn Mạnh Đ được thừa kế riêng, không phải là tài sản chung của vợ chồng.

2. Xác định giá trị Quyền sử dụng đất tại thửa số 1625, tờ bản đồ số 15 tại Cụm công nghiệp thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 142134 được UBND huyện Đông Sơn cấp ngày 14/7/2017 mang tên bà Nguyễn Thị B đã được chị Nguyễn Thị B chuyển nhượng cho ông Hoàng Huy L theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho thuê và tài sản gắn liền với đất ngày 25/10/2022 tại Văn phòng Công chứng L. Số tiền chuyển nhượng đã được sử dụng để thanh toán các khoản nợ liên quan đến nguồn gốc hình thành tài sản. Do đó số tiền chuyển nhượng đất này không còn.

3. Giao cho chị Nguyễn Thị B được quyền sở hữu và sử dụng Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 4 địa chỉ: Số 48 liền kề 3 Khu đô thị mới Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Giấy chứng nhận QSD đất mang tên bà Nguyễn Thị B được UBND thành phố Thanh Hóa cấp ngày 05/12/2014.

Chị Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh lại GCNQSD đất nêu trên.

4. Chị Nguyễn Thị B có trách nhiệm trả tiền chênh lệch giá trị tài sản cho anh Nguyễn Mạnh Đ số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày ra quyết định, anh Độ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Bắc chậm thi hành số tiền phải trả thì phải chịu tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Đình chỉ yêu cầu chia nợ chung vợ chồng của chị Nguyễn Thị B

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Mạnh Đ thống nhất thỏa thuận:

Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 39.600.000đ (Ba mươi chín triệu, sáu trăm ngàn đồng) án phí chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002562 ngày 24/11/2022 và 22.000.000đ theo biên lai số AA/2021/0002883 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị Nguyễn Thị B còn phải nộp tiếp số tiền 17.600.000đ (Mười bảy triệu, sáu trăm ngàn đồng).

Anh Nguyễn Mạnh Đ phải nộp 40.870.000đ (Bốn mươi triệu, tám trăm bảy mươi ngàn đồng) án phí chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 46.000.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002715 ngày 18/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Trả lại cho anh Nguyễn Mạnh Đ số tiền 5.130.000đ (Năm triệu, một trăm ba mươi ngàn đồng).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Trương Thị Anh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Chi cục THA - TP H;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ .